**Thông báo dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,**

**thực vật của thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/8-20/9/2023**

**1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ Khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/CAN/1531 | ATTP, BVTV | Canada | 20/9/2023 | Thông báo sửa đổi Danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép sử dụng lipase từ *Saccharomyces cerevisiae* LALL-LI trong bánh mì, bột mì, bột mì nguyên hạt và các sản phẩm bánh không chuẩn hóa. | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với phụ gia thực phẩm để xin phê duyệt sử dụng lipase từ *Saccharomyces cerevisiae LALL-LI* trong bánh mì, bột mì, bột mì nguyên cám và các sản phẩm bánh không chuẩn hóa. Lipase từ các nguồn khác đã được phép sử dụng ở Canada trong thực phẩm mà người kiến nghị yêu cầu. Tuy nhiên, trước Thông báo này, sinh vật nguồn, *S. cerevisiae LALL-LI*, không phải là nguồn được phép đối với bất kỳ loại enzyme thực phẩm nào ở Canada. Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường hỗ trợ tính an toàn của *lipase* từ *S. cerevisiae* LALL-LI cho các mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng lipase từ *S. cerevisiae LALL-LI* như được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép sử dụng, có hiệu lực từ ngày 13 tháng 9 năm 2023. Mục đích của tài liệu thông tin là công bố công khai ý kiến của Bộ. quyết định về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. |
| 2 | G/SPS/N/NZL/743 | BVTV | Niu Di-lân | 19/9/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Ngũ cốc và hạt dùng để tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến | Thông báo này liên quan đến một sửa đổi nhỏ đối với tiêu chuẩn y tế nhập khẩu: Ngũ cốc và hạt giống để tiêu dùng, thức ăn hoặc chế biến. Việc sửa đổi liên quan đến việc bổ sung các yêu cầu đối với việc nhập khẩu hạt giống *Glycine max* để nảy mầm vào Tiêu chuẩn, hiện đang được quản lý bởi Giám đốc Kỹ thuật (CTO). Bản sửa đổi này kết hợp các điều kiện được nêu trong tài liệu quyết định của CTO và không bao gồm bất kỳ thay đổi nào khác đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn. Hoạt động nhập khẩu đã được thực hiện theo CTO này trong nhiều năm, do đó việc tích hợp hướng CTO này vào tiêu chuẩn không làm thay đổi đáng kể các mặt hàng được nhập khẩu. Mục tiêu của sự thay đổi này là nhằm giảm bớt sự nhầm lẫn và chậm trễ tại biên giới, đồng thời tăng cường khả năng tiếp cận các yêu cầu này đối với tất cả các nhà nhập khẩu và nhân viên biên giới của Bộ các ngành công nghiệp cơ bản. |
| 3 | G/SPS/N/NZL/742 | BVTV | Niu Di-lân | 19/9/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu [chôm chôm tươi](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8542) dùng cho người tiêu dùng | MPI đang xem xét các yêu cầu kiểm dịch thực vật trước khi xuất khẩu đối với tiêu chuẩn sức khỏe về chôm chôm tươi nhập khẩu từ Việt Nam. Những thay đổi được đề xuất sẽ loại bỏ yêu cầu NPPO phải kiểm tra từng lô của người trồng và có thể xác định tính đồng nhất của lô theo ISPM 31. |
| 4 | G/SPS/N/NZL/740 | BVTV | Niu Di-lân | 19/9/2023 | 152.02: Nhập khẩu và thông quan rau quả tươi vào Niu Di-lân | MPI đang xem xét các yêu cầu kiểm dịch thực vật trước khi xuất khẩu đối với tất cả rau quả nhập khẩu (từ tất cả các nước) theo tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu 152.02. Những thay đổi được đề xuất sẽ điều chỉnh tiêu chuẩn cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế liên quan về các biện pháp kiểm dịch thực vật. MPI cũng đang đề xuất loại *Peronoscleraspora sorghi* khỏi danh sách dịch hại đối với ngô ngọt từ Úc. |
| 5 | G/SPS/N/KEN/230 | BVTV | Kenya | 19/9/2023 | DEAS 1170:2023 Bột hạt điều – Đặc tính | Dự thảo tiêu chuẩn của Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử đối với bột hạt điều thu được từ quá trình xay xát nhân điều có nguồn gốc từ hạt của cây điều (thuộc giống *Anacardium*) *. Occidental L.)* dùng cho người. |
| 6 | G/SPS/N/CAN/1530 | ATTP, BVTV | Canada | 19/9/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Difenoconazole (PMRL2023-43) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-43 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với difenoconazole đã được Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1   | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến |
| 8,0 | Lá các loại rau củ (làm thức ăn cho người hoặc thức ăn chăn nuôi) (nhóm cây trồng 2, trừ ngọn củ cải đường 2 , lá củ cải 3 và rau củ cải 3 ) |

1 ppm = phần triệu2 Củ cải đường được loại trừ khỏi quy định MRL này vì MRL ở mức 8,0 ppm đã được thiết lập cho mặt hàng này.3 Lá củ cải và rau củ cải xanh bị loại khỏi hành động MRL này vì MRL 35 ppm đã được thiết lập cho những mặt hàng này |
| 7 | G/SPS/N/CAN /1529 | ATTP, BVTV | Canada | 19/9/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Pydiflumetofen [(PMRL2023-42)](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8546) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-42 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với pydiflumetofen đã được Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1   | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến |
| 10 | Lá các loại rau củ (làm thức ăn cho người hoặc thức ăn gia súc) (nhóm cây trồng 2, trừ ngọn củ đường 2 , lá củ cải 3 và rau củ cải 3 ) |

1 ppm = phần triệu2 Củ cải đường được loại trừ khỏi quy định MRL này vì MRL ở mức 10 ppm đã được thiết lập cho mặt hàng này.3 Lá củ cải và rau củ cải xanh được loại trừ khỏi quy định MRL này vì MRL 50 ppm đã được thiết lập cho những mặt hàng này. |
| 8 | G/SPS/N/ARM/50 | TY | Armenia | 19/9/2023 | Dự thảo Quyết định của Ủy liên minh ban Kinh tế Á-Âu về sửa đổi Quy định về các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa phải kiểm soát thú y (giám sát) và dự thảo Quyết định của Đoàn thuộc Ủy ban Kinh tế Á-Âu về sửa đổi Quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan ngày 7 tháng 4 năm 2011 số 607 | Dự thảo cập nhật các yêu cầu thú y của Liên minh kinh tế Á-Âu liên quan đến tần suất thử nghiệm trong phòng thí nghiệm đối với nguyên liệu thô phi thực phẩm có nguồn gốc động vật dùng để nuôi động vật có lông mà không cần xử lý nhiệt sơ bộ. Dự thảo cũng phê duyệt một chương mới về yêu cầu thú y và mẫu giấy chứng nhận thú y tương ứng đối với gelatine, collagen và chất kết dính có nguồn gốc động vật. |
| 9 | G/SPS/N/JPN/1234 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu/thuốc thú y hóa chất nông nghiệp sau: Cyfluthrin |
| 10 | G/SPS/N/JPN/1233 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu hóa học nông nghiệp sau: Pydiflumetofen |
| 11 | G/SPS/N/JPN/1232 | ATTP, BVTV, TY, CT | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu hóa học nông nghiệp sau: Paraquat dichloride, Paraquat |
| 12 | G/SPS/N/JPN/1231 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu hóa học nông nghiệp sau: 1,4-Dimethylnaphthalene |
| 13 | G/SPS/N/JPN/1230 | ATTP, BVTV, CLCB | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu hóa học nông nghiệp sau: Dimesulfazet |
| 14 | G/SPS/N/JPN/1229 | ATTP, BVTV, CT | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu hóa học nông nghiệp sau: Dicloromezotiaz |
| 15 | G/SPS/N/JPN/1228 | ATTP, BVTV, CT, CLCB, TY | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu hóa học nông nghiệp sau: Cyflufenamid |
| 16 | G/SPS/N/JPN/1227 | ATTP, BVTV, CT, CLCB, TY | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với thuốc trừ sâu hóa học nông nghiệp sau: Buprofezin |
| 17 | G/SPS/N/JPN/1218 /Corr.1 | ATTP, BVTV, TY | Nhật Bản | 18/9/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Bản sửa đổi này được ban hành để sửa các MRL dự thảo của "Khoai tây" và "Quả việt quất" được thông báo trong phần đính kèm của thông báo G/SPS/N/JPN/1218 ngày 7 tháng 8 năm 2023. Xem Bảng 1 đính kèm: Lỗi in và Bảng 2: Bản sửa lỗi bảng giới hạn dư lượng tối đa đối với Iprodione . |
| 18 | G/SPS/N/KEN/228 | BVTV | Kenya | 15/9/2023 | DEAS 1169:2023 Hạt mắc ca nguyên [vỏ](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8519) - tiêu chuẩn kỹ thuật | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với hạt mắc ca nguyên vỏ của các giống được trồng từ *Macadamia integrifolia* , và *Macadamia tetraphylla*, và các giống lai của chúng dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 19 | G/SPS/N/CAN/1244 /Add.19 | TY, CN | Canada | 15/9/2023 | Lệnh áp đặt điều kiện liên quan đến vùng kiểm soát cấp 2 liên quan đến dịch tả lợn châu Phi | Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) đã thực hiện các yêu cầu nhập khẩu mới đối với các thành phần thức ăn chăn nuôi chọn lọc được nhập khẩu từ các quốc gia được xác định là có mối lo ngại tiềm tàng liên quan đến dịch tả lợn châu Phi (ASF). Các sản phẩm được xác định sẽ phải có giấy phép nhập khẩu trước khi nhập khẩu từ các quốc gia được chỉ định và phải đáp ứng các điều kiện trong trình tự thực hiện cũng như giấy phép nhập khẩu. Những điều kiện này có thể bao gồm chứng nhận xuất xứ, xử lý nhiệt và/hoặc thời gian lưu giữ (tùy thuộc vào sản phẩm được đề cập) được thiết kế để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm vi-rút dịch tả lợn Châu Phi cho các sản phẩm này. |
| 20 | G/SPS/N/BDI/71, G/SPS/N/KEN/229, G/SPS/N/RWA/64, G/SPS/N/TZA/301, G/SPS/N/UGA/277 | CT | Burundi | 15/9/2023 | DEAS 887:2023 Dầu cọ thô và bán tinh chế – Đặc điểm kỹ thuật | Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử đối với dầu cọ thô và bán tinh chế (trung hòa và/hoặc tẩy trắng) có nguồn gốc từ quả cọ dầu ( *Elaeis) . guineensis* ) dành cho chế biến tiếp theo. |
| 21 | G/SPS/N/BDI/70, G/SPS/N/KEN/227, G/SPS/N/RWA/63, G/SPS/N/TZA/300, G/SPS/N/UGA/276 | CT | Burundi | 15/9/2023 | DEAS 1168:2023 Dầu dừa ăn được - Đặc điểm kỹ thuật | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với dầu dừa nguyên chất và tinh chế có nguồn gốc từ cùi dừa ( *Cocos nucifera L.)* dành cho người tiêu dùng. |
| 22 | G/SPS/N/BDI/69, G/SPS/N/KEN/226 G/SPS/N/RWA/62, G/SPS/N/TZA/299 G/SPS/N/UGA/275 | BVTV | Burundi | 15/9/2023 | DEAS 1171:2023 Bột đậu phộng/lạc - Yêu cầu kỹ thuật | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột lạc/lạc từ các giống *Arachis hypogaea L.* dùng cho người. |
| 23 | G/SPS/N/NZL/738 | BVTV | Niu Di-lân | 14/9/2023 | Tiêu chuẩn Y tế Nhập khẩu: chanh tươi (*Citrus limon* ) dành cho người tiêu dùng Các khu vực hoặc quốc gia cụ thể: Úc; Braxin; Trung Quốc; Ai Cập; Fiji; Mexico; Pêru; Samoa; Nước Mỹ; Vanuatu; Việt Nam | Những thay đổi về dịch hại cần áp dụng các biện pháp KDTV trên cây có múi (*Citrus limon*); những thay đổi để điều chỉnh các yêu cầu về mẫu kiểm dịch thực vật phù hợp với ISPM 31.Các khu vực hoặc quốc gia cụ thể: Úc; Bra-xin; Trung Quốc; Ai Cập; Fiji; Mexico; Pêru; Samoa; Nước Mỹ; Vanuatu; Việt Nam |
| 24 | G/SPS/N/HKG/48/ Add.1 | ATTP, BVTV, CT, CLCB, TY | Hồng Kông | 14/9/2023 | Gia hạn ngày cuối cùng để lấy ý kiến về tài liệu tham vấn về đề xuất sửa đổi chất bảo quản trong quy định thực phẩm (Cap. 132BD) | Chính phủ Đặc khu Hành chính Hồng Kông qua đây thông báo rằng ngày cuối cùng để đưa ra nhận xét liên quan đến Thông báo G/SPS/N/HKG/48 của WTO về "Tài liệu tham vấn về Đề xuất sửa đổi đối với chất bảo quản trong Quy định thực phẩm (Cap. 132BD)" đã được gia hạn đến ngày 30 tháng 9 năm 2023. |
| 25 | G/SPS/N/NZL/736 | BVTV | Niu Di-lân | 13/9/2023 | Tiêu chuẩn Y tế Nhập khẩu: cây có múi (*Citrus aurantiifolia*) dùng cho người. Các khu vực hoặc quốc gia cụ thể: Úc; Ai Cập; Pêru; Quần đảo Solomon; Nước Mỹ; Vanuatu; Việt Nam và New Caledonia | Những thay đổi về dịch hại cần áp dụng các biện pháp KDTV trên cây có múi tươi (*Citrus aurantiifolia*); những thay đổi để điều chỉnh các yêu cầu về mẫu kiểm dịch thực vật phù hợp với ISPM 31.Các khu vực hoặc quốc gia cụ thể: Úc; Ai Cập; Pêru; Quần đảo Solomon; Nước Mỹ; Vanuatu; Việt Nam và New Caledonia |
| 26 | G/SPS/N/NZL/734 | BVTV | Niu Di-lân | 13/9/2023 | Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: Bưởi tươi (*Citrus maxima*) dùng cho người | Những thay đổi về dịch hại cần áp dụng các biện pháp KDTV trên cây có múi tươi (*Citrus maxima*); thay đổi để phù hợp với kiểm dịch thực vật yêu cầu mẫu kiểm tra với ISPM 31.Các khu vực hoặc quốc gia cụ thể: Trung Quốc; Ai Cập; Samoa; Hòa Kỳ; Vanuatu; Việt Nam |
| 27 | G/SPS/N/NZL/733 | BVTV | Niu Di-lân | 13/9/2023 | Tiêu chuẩn Y tế Nhập khẩu: trên cây có múi tươi (*Citrus* [*latifolia*](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8511) ) dành cho Người tiêu dùng Các khu vực hoặc quốc gia cụ thể: Úc; Braxin; Fiji; Mexico; Pêru; Samoa; Vanuatu; Việt Nam; Quần đảo Cook và Niu Caledonia | Những thay đổi về dịch hại cần áp dụng các biện pháp KDTV trên cây có múi tươi (*Citrus* [*latifolia*](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8511) ); những thay đổi để điều chỉnh các yêu cầu về mẫu kiểm dịch thực vật phù hợp với ISPM 31.Các khu vực hoặc quốc gia cụ thể: Úc; Bra-xin; Fiji; Mexico; Pêru; Samoa; Vanuatu; Việt Nam; Quần đảo Cook và Niu Caledonia |
| 28 | G/SPS/N/NZL/732 | ATTP, BVTV, TY | Niu Di-lân | 13/9/2023 | Đề xuất sửa đổi Niu Di-lân (Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp) | Tài liệu này chứa các chi tiết kỹ thuật về các đề xuất sửa đổi thông báo hiện hành được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm 2014, trong đó liệt kê mức dư lượng tối đa (MRL) đối với các hợp chất nông nghiệp ở Niu Di-lân. MPI đề xuất sửa đổi Thông báo như sau:1. Việc sửa đổi các mục MRL hiện có đối với các hợp chất và hàng hóa sau: • Fenpyrazamine : 0,05 mg/kg trong nho;

• Fenpyroximate : 0,15 mg/kg trong bơ;• Fluxapyroxad : 0,15 mg/kg đối với lúa mì, lúa mạch đen và hạt tiểu hắc mạch; và 0,9 mg/kg đối với lúa mạch và hạt yến mạch;• Mefentrifluconazole : 0,5 mg/kg đối với lúa mạch đen và hạt tiểu hắc mạch; và 3 mg/kg đối với lúa mạch và hạt yến mạch; Và• Sulfoxaflor : 0,01 đối với trứng, mỡ gia cầm, thịt gia cầm; 0,03 mg/kg đối với nội tạng gia cầm; và 0,2 mg/kg đối với nội tạng động vật có vú. MRL cho thận và gan của động vật có vú sẽ được thu hồi. |
| 29 | G/SPS/N/EU/679 | CN, TY | Liên minh Châu Âu | 13/9/2023 | Dự thảo Ủy ban Thực hiện Quy định liên quan đến việc cấp phép cồn thuốc từ cây [*Gentiana lutea*](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8513) L. làm phụ gia thức ăn cho một số loài động vật | Dự thảo đạo luật liên quan đến việc cấp phép " hợp chất hương liệu "của cồn thuốc từ cây *Gentiana Lutea* L. trong phạm vi pháp luật của Liên minh Châu Âu về phụ gia thức ăn chăn nuôi, tức là Quy định (EC) số 1831/2003. Biện pháp này nhằm mục đích cho phép sử dụng chất phụ gia này cho tất cả các loài, nhưng chỉ dành cho các loại động vật dùng để vỗ béo và hủy bỏ việc đưa chất phụ gia này ra thị trường đối mục đích khác cho loài động. Đề xuất cung cấp thời gian chuyển tiếp cho các loại thức ăn khác nhau: 12 tháng đối với kho phụ gia hiện có, 15 tháng đối với kho hỗn hợp trộn sẵn được sản xuất bằng các chất phụ gia đã đề cập trước đó và 24 tháng đối với thức ăn hỗn hợp được sản xuất bằng phụ gia thức ăn và hỗn hợp trộn sẵn đã đề cập trước đó. |
| 30 | G/SPS/N/EU/678 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh Châu Âu | 13/9/2023 | [Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với 2,4-DB, iodosulfuron -methyl , mesotrione và pyraflufen -ethyl](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8514) | Dự thảo Quy định được đề xuất liên quan đến việc cập nhật MRL hiện có đối với 2,4-DB, iodosulfuron -methyl , mesotrione và pyraflufen -ethyltrong một số sản phẩm thực phẩm sau khi đánh giá và/hoặc thiếu dữ liệu xác nhận. |
| 31 | G/SPS/N/TPKM/618 | ATTP, BVTV, CT, CLCB, TY | Đài Loan | 12/9/2023 | Những thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ thực phẩm, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm được phân loại theo 7 mã CCC cụ thể | Hàng hóa được phân loại theo bảy mã CCC cụ thể phải tuân theo "Quy định kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan" nếu chúng được sử dụng làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ thực phẩm, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm. Các nhà nhập khẩu phải nộp đơn xin kiểm tra lên Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi. |
| 32 | G/SPS/N/CAN/1528 | ATTP, BVTV | Canada | 12/9/2023 | [Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa:](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8502) Mefentrifluconazole [(PMRL2023-41)](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8502) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-41 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với mefentrifluconazole đã được Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1   | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã qua chế biến |
| 30 | Rau ăn lá (nhóm 4-13, trừ rau diếp) |
| 20 | Lá các loại rau củ ăn củ (làm thức ăn cho người hoặc thức ăn chăn nuôi) (nhóm cây 2) |
| 4,0 | Hành lá (phân nhóm cây trồng 3-07B); cà chua khô |
| 1,5 | Quả chuối; mía 0,9 Rau ăn quả (nhóm cây 8-09) |
| 0,7 | Rau củ (trừ củ cải đường) (phân nhóm cây 1B) |
| 0,5 | Quả dưa (phụ nhóm cây trồng 9A); cà phê hạt |
| 0,2 | Củ hành (phân nhóm cây trồng 3-07A); bí/dưa chuột (phân nhóm cây trồng 9B); hạt bông  |
| 0,15 | Hướng dương (nhóm cây trồng 20B, sửa đổi) |

1 ppm = phần triệu2 MRL 1,5 ppm đã được thiết lập cho quả lý quả mận gai thuộc phân nhóm cây trồng 13-07F (Dây leo quả nhỏ, ngoại trừ quả kiwi) |
| 33 | G/SPS/N/BRA/2216 | BVTV | Bra-xin | 12/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1202, ngày 08 tháng 9 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất thay đổi 24 hoạt chất trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn Quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário ) Cơ quan chính thức của União ): B26 - Bifenthrin, B54 - Bixafem , B55 - Emamectin Benzoate, C18 - Chlorothalonil , C49 - Ethyl Carfentrazone, C63 - Lambda- Cyhalothrin, C70 - Chlorantraniliprole , C74 - Cyantraniliprole, D17 - Diflubenzuron, D39 - Dimethomorph, D 41 - Diafentiurom , D55 - Dinotefuran, E33 - Spiropidion, F42.1 - Fluroxypyr methyl, hiện nay có mã F42, G01 - Glyphosate, G05 - Amoni glufosinate, M01 - Malathion, P17 - Propargite, P34 - Pyriproxyfen. |
| 34 | G/SPS/N/BRA/2215 | TY | Bra-xin | 12/9/2023 | Tham vấn công chúng dự thảo Pháp lệnh phê duyệt hướng dẫn của Chương trình quốc gia về bệnh viêm não thể bọt biển ở bò - PNEEB trong việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giám sát chính thức và duy trì tình trạng nguy cơ không đáng kể của bệnh viêm não thể bọt biển ở bò - BSE trong nước. | Tham vấn công chúng dự thảo Pháp lệnh phê duyệt hướng dẫn của Chương trình quốc gia về bệnh viêm não thể bọt biển ở bò - PNEEB trong việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giám sát chính thức và duy trì tình trạng nguy cơ không đáng kể của bệnh viêm não thể bọt biển ở bò - BSE trong nước. |
| 35 | G/SPS/N/BRA/2143 /Add.2 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 12/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1149 ngày 10 tháng 3 năm 2023 | Hướng dẫn nghị quyết 238, ngày 1 tháng 8 năm 2023 - được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2143/Add.1 - đã được sửa đổi. |
| 36 | G/SPS/N/BRA/2213 | ATTP | Bra-xin | 11/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1199, ngày 31 tháng 8 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết nhằm thiết lập danh sách các thành phần, giới hạn sử dụng, phán ánh và ghi nhãn bổ sung cho thực phẩm bổ sung. Quy định này cũng sẽ được thông báo tới Ủy ban TBT. |
| 37 | G/SPS/N/BRA/2214 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 11/9/2023 | Hướng dẫn Quy phạm 247, ngày 1 tháng 9 năm 2023 | Hướng dẫn quy chuẩn này đề xuất đưa hoạt chất P72 - penflufem vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn Quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 38 | G/SPS/N/USA/3420 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 06/9/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu spinosad; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức cho phép tồn dư dư lượng spinosad trong hoặc trên nhóm Gia vị 26, và phân nhóm thân và rau thân 22A. |
| 39 | G/SPS/N/UKR/208 | TY | Ucraina | 06/9/2023 | Dự thảo Luật Ucraina “Sửa đổi Luật Ucraina ngày 4 tháng 2 năm 2021 số 1206-IX về” Thú y | Dự thảo Luật Ucraina "Sửa đổi Luật Ucraina ngày 4 tháng 2 năm 2021 số 1206-IX về "Thuốc thú y"" được xây dựng nhằm cải thiện luật pháp hiện hành trong lĩnh vực sức khỏe và phúc lợi động vật, đồng thời loại bỏ những mâu thuẫn với pháp luật của Liên minh Châu Âu. Dự thảo Luật đề xuất quy định toàn diện các vấn đề trọng tâm liên quan đến: 1) Đảm bảo phúc lợi động vật bằng cách cải thiện thủ tục tài trợ cho các biện pháp vệ sinh và thú y; 2) Cải thiện các biện pháp (giám sát) thú y và vệ sinh của nhà nước để đảm bảo phúc lợi động vật và tiếp thị thuốc thú y; 3) Sản xuất, tiếp thị, đăng ký và sử dụng thuốc thú y; 4) Cấp các tài liệu thú y kèm theo và chứng chỉ thú y quốc tế; 5) Hoạt động của bác sĩ thú y được cấp phép và bác sĩ thú y của cơ sở thú y được cấp phép; 6) Việc cấp giấy phép kinh doanh các hoạt động liên quan đến hành nghề thú y, sản xuất thuốc thú y, bán buôn, bán lẻ thuốc thú y, nhập khẩu thuốc thú y phù hợp với yêu cầu của pháp luật về cấp phép; 7) Trao quyền cho cơ quan điều hành trung ương thực hiện chính sách nhà nước trong lĩnh vực thú y và phúc lợi động vật phê duyệt: − Tiêu chí, việc tuân thủ sẽ mang lại cho các cơ sở giáo dục cũng như các tổ chức (công đoàn, hiệp hội) trong lĩnh vực liên quan cơ hội được ủy quyền đào tạo chuyên gia về các vấn đề tuân thủ các yêu cầu của luật phúc lợi động vật; − Các chương trình đào tạo cho các chuyên gia về các vấn đề tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về phúc lợi động vật; - Mẫu chứng chỉ được cấp để xác nhận rằng những người liên quan có đủ kiến ​​thức thu được từ quá trình đào tạo; 8) Ủy quyền của cơ quan điều hành trung ương thực hiện chính sách nhà nước trong lĩnh vực thú y và phúc lợi động vật để đảm bảo tổ chức đào tạo các chuyên gia về các vấn đề tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về phúc lợi động vật. |
| 40 | G/SPS/N/TUR/137 | TY | Thổ Nhỹ Kỳ | 06/9/2023 | Giấy chứng nhận sức khỏe thú y gửi đến Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ: a. Dùng để tạo hương liệu bên trong sản xuất thức ăn cho vật nuôi; b. Đối với gelatine và collagen không dành cho con người được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hoặc cho các mục đích bên ngoài chuỗi thức ăn chăn nuôi; c. Đối với các sản phẩm trứng không dành cho người tiêu dùng nhưng có thể được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; d. Đối với lông lợn đã qua xử lý; e. Đối với chiến lợi phẩm săn được đã qua xử lý và các chế phẩm khác từ chim và động vật móng guốc, chỉ bao gồm xương, sừng, móng guốc, móng vuốt, gạc, răng, da sống | Các nguyên tắc, thủ tục và mẫu liên quan đến giấy chứng nhận thú y do Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp quy định theo khoản 7 Điều 31 Luật số 5996 (G/SPS/N/TUR/9). Các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe thú y được chuẩn bị để tuân thủ Quy định của Ủy ban (EU) số 142/2011 ngày 25 tháng 2 năm 2011: − Giấy chứng nhận thú y về hương liệu sử dụng trong sản xuất thức ăn cho vật nuôi gửi đến Thổ Nhĩ Kỳ; − Giấy chứng nhận thú y đối với gelatine và collagen không dùng cho con người để sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hoặc cho các mục đích bên ngoài chuỗi thức ăn chăn nuôi gửi đến Thổ Nhĩ Kỳ; − Giấy chứng nhận thú y đối với các sản phẩm trứng không dùng làm thực phẩm cho con người nhưng có thể được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gửi đến Thổ Nhĩ Kỳ; − Giấy chứng nhận thú y đối với lông lợn đã được xử lý gửi đến Thổ Nhĩ Kỳ; − Giấy chứng nhận sức khỏe thú y đối với các chiến lợi phẩm săn được đã qua xử lý và các chế phẩm khác từ chim và động vật móng guốc, chỉ bao gồm xương, sừng, móng guốc, móng vuốt, gạc, răng, da sống gửi đến Thổ Nhĩ Kỳ. |
| 41 | G/SPS/N/UKR/207 | TY | Ucraina | 05/9/2023 | Dự thảo lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu thực hành tốt về phân phối hoạt chất được sử dụng trong các sản phẩm thuốc thú y" | Dự thảo việc phê duyệt các yêu cầu thực hành tốt về phân phối hoạt chất dùng trong sản phẩm thuốc thú y. Những yêu cầu này sẽ áp dụng cho các nhà nhập khẩu và phân phối thị trường, cũng như cho các nhà sản xuất phân phối các hoạt chất đã sản xuất với mục đích sử dụng chúng làm nguyên liệu ban đầu trong các sản phẩm thuốc thú y. Việc thông qua lệnh sẽ đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và quy tắc cơ bản, đảm bảo rằng các hoạt chất được phân phối được đăng ký theo luật đã thiết lập; điều kiện bảo quản của chúng được quan sát liên tục, kể cả trong quá trình vận chuyển; sự ô tréo được loại trừ; và việc giao hàng được đảm bảo trong thời hạn quy định. Dự thảo lệnh nhằm mục đích cải thiện việc sản xuất các sản phẩm thuốc thú y và triển khai vào luật pháp Ucraina các quy định trong Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2021/1280 ngày 2 tháng 8 năm 2021 liên quan đến các biện pháp thực hành phân phối tốt đối với các hoạt chất được sử dụng làm nguyên liệu ban đầu trong thú y sản phẩm thuốc theo Quy định (EU) 2019/6 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu. |
| 42 | G/SPS/N/IDN/146 | BVTV, TY, CLCB | Indonesia | 05/9/2023 | Quy định của Chính phủ số 29 năm 2023 đề cập đến quy chế thi hành luật số 2i năm 2019 về kiểm dịch động vật, cá và thực vật | Quy định này công bố việc thành lập Cơ quan Kiểm dịch Indonesia, cơ quan cấp Bộ mới chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng thống. Các chức năng kiểm dịch động vật và kiểm dịch thực vật trước đây thuộc Cơ quan Nông nghiệp Indonesia, Bộ Nông nghiệp và các chức năng kiểm dịch cá trước đây thuộc Cơ quan Kiểm dịch cá, Bộ thủy sản và Hàng hải, kể từ đó đã trở thành một phần không thể thiếu của Cơ quan Kiểm dịch Indonesia. |
| 43 | G/SPS/N/USA/3419 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 04/9/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu Methoxyfenozide; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập dư lượng tồn dư methoxyfenozide trong hoặc trên hạt cà phê, mía và mật mía. Không có đăng ký tại Hoa Kỳ liên quan đến mức tồn dư này. |
| 44 | G/SPS/N/TUR/105/Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Thổ Nhỹ Kỳ | 01/9/2023 | Thông cáo bộ luật thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về việc sửa đổi thông cáo về vật liệu và đồ nhựa tiếp xúc với thực phẩm | Thông cáo bộ luật thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về vật liệu và đồ nhựa tiếp xúc với thực phẩm đã được thông báo tới WTO thông qua G/SPS/N/TUR/105 vào ngày 15 tháng 11 năm 2018. Mục đích của dự thảo thông cáo này là sửa đổi thông cáo bộ luật thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về vật liệu và đồ nhựa tiếp xúc với thực phẩm phù hợp với các sửa đổi 2020/1245/EU và 2023/1442/EU của quy định EU 10/2011/EU. Bản sửa đổi này bao gồm các bản sửa đổi của một số monome và chất ban đầu được sử dụng trong sản xuất vật liệu và sản phẩm nhựa tiếp xúc với thực phẩm cũng như những thay đổi về quy tắc kiểm tra thôi nhiễm. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Tuy nhiên, thời gian chuyển tiếp đã được quy định tại Điều 2. **Điều 2:**(1) Nơi sản xuất, nhập khẩu và bán các sản phẩm trong phạm vi của thông cáo này phải tuân thủ các sửa đổi được thực hiện khi công bố thông cáo cho đến ngày 1 tháng 1 năm 2026.(2) Các sản phẩm không tuân thủ những thay đổi được thực hiện khi công bố thông cáo nhưng đã được đưa ra thị trường trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, có thể được bán trên thị trường cho đến ngày 1 tháng 1 năm 2028. https://www.tarimorman.gov.tr/GKGM/Duyuru/526/Mevzuat-Taslagi-Tgk-Gida-Ile-Temas-EdenPlastik-Madde-Ve-Malzemeler-Tebligi-\_teblig-No-2019\_44\_nde-Degisiklik-Yapilmasina- Dair-Teblig <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TUR/23_12118_00_x.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã được thông báo trước đó. |
| 45 | G/SPS/N/USA/3418 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 31/8/2023 | Dung sai thuốc thuốc sâu: Imazapyr; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập dư lượng tồn dư imazapyr trong hoặc trên gạo, cám và gạo, ngũ cốc. |
| 46 | G/SPS/N/USA/3417 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 31/8/2023 | Dung sai thuốc thuốc sâu: Trifluralin; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập dư lượng tồn dư trifluralin trong hoặc trên trà, trà khô và trà hòa tan. |
| 47 | G/SPS/N/USA/3416 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 31/8/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu: Pyraclonil; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập dư lượng tồn dư pyraclonil trong hoặc trên gạo, ngũ cốc. |
| 48 | G/SPS/N/USA/3415 | ATTP, BVTV, TY | Hoa Kỳ | 31/8/2023 | Thu hồi việc miễn trừ đối với dung sai thuốc trừ sâu: Phenol | EPA đề xuất thu hồi quyền miễn dung sai dư đối với dư lượng của thành phần thuốc trừ sâu kháng khuẩn phenol khi được sử dụng làm thành phần trơ (dung môi/chất làm mát) trong công thức thuốc trừ sâu áp dụng cho cây trồng. Việc xây dựng quy tắc này được đề xuất theo sáng kiến riêng của Cơ quan theo Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang (FFDCA) nhằm thực hiện hành động về dư lượng mà Cơ quan xác định là phù hợp trong quá trình xem xét đăng ký được thực hiện theo Đạo luật Thuốc trừ sâu, Thuốc diệt nấm và Thuốc diệt chuột Liên bang (FIFRA) đối với phenol. EPA đang đề xuất thu hồi quyền miễn trừ dung sai này vì nó tương ứng với việc sử dụng không còn hiện hành hoặc được đăng ký theo FIFRA ở Hoa Kỳ. |
| 49 | G/SPS/N/USA/3414 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 31/8/2023 |  Dung sai thuốc trừ sâu: Pyraclostrobin; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức dung sai đối với dư lượng pyraclostrobin trong hoặc trên cây cỏ ngọt, lá khô và cỏ ngọt, lá tươi và sửa đổi mức dung sai đối với dư lượng pyraclostrobin trong hoặc trên cà phê, đậu xanh. |
| 50 | G/SPS/N/USA/3413 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 31/8/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu: Fluxapyroxad; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập giới hạn cho phép đối với dư lượng fluxapyroxad trong hoặc trên quả bơ; stevia, lá khô; và stevia, lá tươi và điều chỉnh dung sai tồn dư fluxapyroxad trong hoặc trên cà phê, đậu xanh. |
| 51 | G/SPS/N/GBR/30/Add.2 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Vương quốc Anh | 31/8/2023 | Mô hình hoạt động mục tiêu biên giới Vương quốc Anh | Vào tháng 4 năm 2023, Vương quốc Anh đã thông báo cho Ủy ban SPS của WTO về việc công bố dự thảo 'Mô hình hoạt động mục tiêu biên giới' (BTOM) [G/SPS/N/GBR/30]. Phụ lục này thông báo cho các thành viên rằng phiên bản cuối cùng của mô hình hoạt động mục tiêu biên giới (BTOM) hiện đã được công bố, đưa ra các biện pháp kiểm soát vệ sinh và Kiểm dịch thực vật mới tại biên giới Vương quốc Anh. Các biện pháp trong TOM sẽ áp dụng đối với việc nhập khẩu động vật sống, sản phẩm mầm bệnh, sản phẩm động vật, thực vật và sản phẩm thực vật. |
| 52 | G/SPS/N/CHE/94 | TY | Thụy sĩ | 31/8/2023 | Pháp lệnh quản lý hoạt động thương mại nhập khẩu, quá cảnh, xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật với nước thứ ba (OITE-PT) | Quy định của Thụy Sĩ sẽ được điều chỉnh để phản ánh những thay đổi trong quy định tương ứng của EU. Theo Quy định (EU) 2023/905, các điều kiện nhập khẩu mới sẽ được áp dụng đối với động vật trang trại được điều trị bằng một số sản phẩm thuốc kháng khuẩn và đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật đó. |
| 53 | G/SPS/N/BRA/2212 | ATTP | Bra-xin | 31/8/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1198 ngày 25 tháng 8 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết quy định chức năng công nghệ, giới hạn tối đa và điều kiện sử dụng đối với phụ gia thực phẩm và công nghệ hỗ trợ được phép sử dụng trong thực phẩm. |
| 54 | G/SPS/N/BRA/2211 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 29/8/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1195, ngày 18 tháng 8 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết đề xuất cập nhật hoạt chất A26 – Azoxystrobin , A29 – Acetamiprid , B46 – Benzovindiflupyr , B55 – Emamectin Benzoate, C10 – Ipermethrin , C36 – Cyproconazol , C55.2 – Copper oxychloride, C58 – Alpha- cypermethrin , C61 – Beta. - cyfluthrin , D18 - Dimethoate , D36 - Difenoconazol , D39 - Dimetomorfe , F66 - Flubentiamide , F68 - Fluxapiroxade , F76 - Fluindapir , I21 - IyCyclem , L05 - IUFENUROM, M19 - Metribuzim , N08 - Nicosulfurom , N09 - Novalom , P1 3 – Profenofos , P15 - Prometrine , P34 - Pyriproxyfen , P35 - Pyridaben , P65 – Pidiflumetofem , P71 – Pyriophenone , S24 – Sedaxane , T13 – Tidiazuron , T24 – Trifluralin , T32 – Tebuconazole và T81 – Tolpiralate tvào danh sách chuyên khảo về hoạt chất thuốc trừ sâu , sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố theo hướng dẫn Quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Chính thức của União ). |
| 55 | G/SPS/N/BRA/2210 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 29/8/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1194, ngày 17 tháng 8 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết đề xuất đưa hoạt chất F78 - florylpicoxamide vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn Quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário ) Chính thức của União ). |
| 56 | G/SPS/N/BRA/2209 | CT | Bra-xin | 29/8/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1197, ngày 22 tháng 8 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết quy định về yêu cầu vệ sinh đối với dầu, mỡ thực vật. Dự thảo này nhằm mục đích khắc phục sự mâu thuẫn đã được xác định giữa định nghĩa về dầu nguyên chất và định nghĩa về dầu nguyên chất; cải thiện định nghĩa về dầu và chất béo hỗn hợp; làm rõ cơ cấu, tên gọi của hỗn hợp dầu, mỡ thực vật; khắc phục sự không thống nhất về tên gọi của dầu và chất béo thực vật được hydro hóa và tiêu chuẩn hóa thuật ngữ dùng để chỉ "tên gọi bán hàng". |
| 57 | G/SPS/N/BRA/2208 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 29/8/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1191, ngày 17 tháng 8 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết đề xuất cập nhật hoạt chất C48 - kinetin vào danh sách chuyên khảo về hoạt chất thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn Quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin  |
| 58 | G/SPS/N/BRA/2207 | ATTP, CT | Bra-xin | 29/8/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1196, ngày 22 tháng 8 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết quy định về nguyên tắc chung, chức năng công nghệ và điều kiện sử dụng phụ gia thực phẩm, tá chất công nghệ thực phẩm. Dự thảo nghị quyết này nhằm mục đích thiết lập giới hạn dư lượng tối đa của ethylene oxit (EO) là 0,01 mg/Kg đối với một số phụ gia thực phẩm. |
| 59 | G/SPS/N/BRA/2029/Add.3 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 29/8/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1085, ngày 17 tháng 3 năm 2022 | Hướng dẫn quy phạm 167, ngày 12 tháng 8 năm 2022, được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2029/Add.2, bắt nguồn từ dự thảo Nghị quyết 1085, ngày 17 tháng 3 năm 2022, đã được sửa đổi. |
| 60 | G/SPS/N/AUS/574 | CLCB, TY | Úc | 28/8/2023 | Lời khuyên về an toàn sinh học 2023-A10: Điều kiện nhập khẩu cuối cùng đối với tôm và các sản phẩm tôm. | Vào ngày 28 tháng 8 năm 2023, Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Chính phủ Úc (Bộ) đã đưa ra “Lời khuyên An toàn Sinh học Động vật’’ (ABA) 2023-A10 về các điều kiện nhập khẩu tôm và các sản phẩm tôm vào Úc.Theo thông báo ABA 2023-A06, Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Chính phủ Úc đã nhận được 3 ý kiến từ các bên liên quan trong thời gian lấy ý kiến 60 ngày. Những ý kiến này đã được xem xét khi hoàn thiện các điều kiện nhập khẩu tôm và các sản phẩm từ tôm.Từ ngày 30 tháng 10 năm 2023, Bộ sẽ bắt đầu thực hiện các thay đổi về điều kiện nhập khẩu tôm và các sản phẩm tôm cho người tiêu dùng như được nêu trong ABA 2023-A06 và ABA 2023-A10, có sẵn trên trang web của Bộ: https://agriculture.gov .au/biosecurity-trade/policy/risk-analysis/memos.Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe đối với tôm và thịt tôm dùng cho con người được đính kèm. Diễn đạt của mẫu giấy chứng nhận không thay đổi như đã được thông báo trong (G/SPS/N/AUS/565, ngày 9 tháng 6 năm 2023).Các đối tác thương mại của Úc cần cung cấp mẫu giấy chứng nhận sức khỏe sửa đổi cho Bộ để được phê duyệt. Khuyến khích các đối tác thương thực hiện thay đổi mẫu chứng nhận theo yêu cầu một cách kịp thời để ngăn chặn sự gián đoạn trong thương mại. |
| 61 | G/SPS/N/NZL/731 | ATTP, BVTV, TY | Niu Di-lân | 25/8/2023 | Đề xuất sửa đổi Niu Di-lân (Mức dư lượng tối đa cho các hợp chất nông nghiệp) | Tài liệu này chứa các chi tiết kỹ thuật về các đề xuất sửa đổi thông báo hiện hành được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm 2014, trong đó liệt kê mức dư lượng tối đa (MRL) đối với các hợp chất nông nghiệp ở Niu Di-lân. MPI đề xuất những sửa đổi sau đây đối với Thông báo: 1. Sửa đổi các mục hiện có trong Phụ lục 1, Mức dư lượng tối đa đối với các hợp chất nông nghiệp, đối với các hợp chất và hàng hóa sau:

 − Sửa đổi mục dành cho carbendazim, để sửa lại định nghĩa dư lượng ; − Sửa đổi mục đối với cyromazine , để sửa lại định nghĩa dư lượng và đặt MRL mới ở mức 0,2 mg/kg đối với trứng, 0,05 mg/kg đối với thịt gia cầm, 0,05 mg/kg đối với nội tạng gia cầm, 0,3 mg/kg đối với nội tạng ăn được của cừu , 0,3 mg/kg đối với mỡ cừu và 0,01 mg/kg đối với sữa cừu; − Mục mới dành cho fluoxapiprolin , đặt MRL ở mức 0,09 mg/kg đối với cà chua và 0,01(\*) mg/kg đối với khoai tây; và − Sửa đổi mục nhập dành cho fluralaner , để đặt MRL mới ở mức 0,01(\*) mg/kg trong mỡ cừu, 0,01(\*) mg/kg ở thận cừu, 0,01(\*) mg/kg ở gan cừu và 0,005 (\*) mg/kg trong thịt cừu. Lưu ý: (\*) biểu thị mức dư lượng tối đa đã được đặt ở hoặc xấp xỉ giới hạn định lượng phân tích; b) Việc bổ sung hai mục mới trong Phụ lục 2, đối với Hóa chất nông nghiệp không áp dụng mức dư lượng tối đa, đối với axit 1-aminocyclopropane-carboxylic (ACC), khi được sử dụng làm chất điều hòa sinh trưởng thực vật và đối với peptide Flg22-Bt, khi dùng làm hóa chất nông nghiệp; c) Việc bổ sung mục mới trong Phụ lục 3, đối với thuốc thú y không áp dụng mức dư lượng tối đa, đối với axit adrenaline tartrate, khi được sử dụng ở bê sau khi cắt sừng, ở cừu sau khi cắt đuôi, và ở bê và cừu non sau khi thiến . Việc sửa đổi mục hiện có trong Phụ lục 3 đối với axit oxalic, để bổ sung thêm tham chiếu đến axit oxalic dihydrat. |
| 62 | G/SPS/N/NZL/730 | CT | Niu Di-lân | 25/8/2023 | Chất thải cần thu hồi, tái xử lý, tái chế hoặc tiêu hủy | Tiêu chuẩn chất thải được đề xuất sẽ thu hồi tiêu chuẩn vật liệu rủi ro vô cơ hiện hành. Những thay đổi lớn đối với tiêu chuẩn bao gồm việc bổ sung các nhà cung cấp dịch vụ xử lý ngoài khơi và điều chỉnh khung thời gian xử lý. Ngoài ra còn có việc làm rõ các thủ tục hiện hành và mở rộng phạm vi các mặt hàng có thể nhập khẩu (như bìa cứng, giấy, nhựa, chất thải nguy hại để tiêu hủy, kim loại phế liệu và amiăng để tiêu hủy, v.v.). Do việc mở rộng phạm vi, tên tiêu chuẩn cũng đã được đổi thành tiêu chuẩn y tế nhập khẩu đối với chất thải để thu hồi, tái xử lý, tái chế hoặc xử lý (chất thải). |
| 63 | G/SPS/N/NZL/729 | BVTV | Niu Di-lân | 25/8/2023 | Điều kiện nhập khẩu cây hoa bia để trồng. | Bộ Công nghiệp cơ bản đề xuất sửa đổi các yêu cầu nhập khẩu đối với cây hoa bia để trồng nhập khẩu vào Niu Di-lân. Chi tiết về đề xuất được cung cấp trên trang tư vấn  |
| 64 | G/SPS/N/TZA/298 | CT | Tanzania, Cộng hòa thống nhất | 24/8/2023 | DARS 470: 2023, Bột mì — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản thứ ba | Dự thảo Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp thử và lấy mẫu đối với bột mì được chế biến từ lúa mì thông thường (*Triticum aestivum* L.) hoặc lúa mì club (*Triticum compactum* Host), hoặc hỗn hợp của chúng dùng làm thực phẩm cho người. Tiêu chuẩn sửa đổi này đã kết hợp các yêu cầu về thành phần cụ thể đối với bột mì. Tiêu chuẩn quy định mức cho phép của phụ gia thực phẩm trong bột mì. Yêu cầu về vi sinh đối với bột mì cũng đã được quy định. Tiêu chuẩn này là bản sửa đổi kỹ thuật của phiên bản thứ hai ARS 470:2016(E), Bột mì - Thông số kỹ thuật được thay thế và hủy bỏ. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi này cũng đã được Ủy ban TBT thông báo |
| 65 | G/SPS/N/TZA/296 | CT | Tanzania, Cộng hòa thống nhất | 24/8/2023 | DARS 935: 2023, Bột đậu nành nguyên chất béo ăn được - Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản thứ hai. | Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bột đậu nành nguyên chất béo ăn được thu được từ đậu nành (*Glycine max* (L.) Merr ) dùng làm thực phẩm cho người. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi này cũng đã được Ủy ban TBT thông báo. |
| 66 | G/SPS/N/TZA/293 | BVTV | Tanzania, Cộng hòa thống nhất | 24/8/2023 | DARS 866: 2023, Đậu gà khô — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đậu gà khô thuộc các giống (giống) được trồng từ *Cicer arietinum* (L.) dùng làm thực phẩm cho người. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi này cũng đã được Ủy ban TBT thông báo. |
| 67 | G/SPS/N/TZA/292 | BVTV | Tanzania, Cộng hòa thống nhất | 24/8/2023 | DARS 873: 2023, Đậu răng ngựa khô — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản thứ hai | Đậu răng ngựa khô của các giống trồng trọt (giống) được trồng từ *Vicia faba* L. dành cho người tiêu dùng. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn châu Phi này cũng đã được Ủy ban TBT thông báo. |
| 68 | G/SPS/N/TZA/291 | BVTV | Tanzania, Cộng hòa thống nhất | 24/8/2023 | DARS 872: 2023, Đậu nành khô — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản thứ hai | Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với đậu nành khô nguyên hạt thuộc các giống (giống) được trồng từ *Glycine max* (L.) dành cho người tiêu dùng. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Châu Phi này cũng đã được Ủy ban TBT thông báo. |
| 69 | G/SPS/N/BRA/2206 | TY | Bra-xin | 24/8/2023 | Tham vấn cộng đồng - SẮC LỆNH SDA/MAPA số 877, ngày 17 tháng 8 năm 2023 - trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, dự thảo Pháp lệnh bãi bỏ Hướng dẫn quy phạm số 49/2018, trong đó thiết lập các quy phạm, tiêu chí tiêu chuẩn nhập khẩu, kiểm dịch chim cảnh, trứng ấp chim cảnh và công nhận cơ sở kiểm dịch chim cảnh, trứng ấp chim cảnh | Dự thảo Pháp lệnh bãi bỏ Thông tư 49/2018 quy định các chỉ tiêu, tiêu chí, tiêu chuẩn nhập khẩu, kiểm dịch chim cảnh, trứng để ấp nở chim cảnh và công nhận cơ sở kiểm dịch chim cảnh và ấp nở trứng chim cảnh được mở lấy ý kiến trong thời gian 60 ngày. |
| 70 | G/SPS/N/BGD/6 | ATTP, BVTV, CT, CLCB, TY | Băng-la-đét | 24/8/2023 | Dự thảo Quy định về An toàn Thực phẩm (Ghi nhãn thực phẩm đóng gói), 2023. L | Dự thảo quy định về ghi nhãn thực phẩm đóng gói nhằm bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng bằng cách cung cấp thông tin chính xác và cần thiết về sản phẩm thực phẩm cho người mua. Những quy định này được đưa ra để đảm bảo rằng các nhà sản xuất và phân phối thực phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn cụ thể khi ghi nhãn sản phẩm của họ. Quá trình soạn thảo quy định này chủ yếu được thực hiện bằng cách so sánh quy định hiện hành với các hướng dẫn được tuân thủ trên phạm vi quốc tế của CODEX và các quy định của Ấn Độ và Liên minh Châu Âu (EU). Các quy định bao gồm ghi nhãn, điều kiện chung về ghi nhãn thực phẩm đóng gói, yêu cầu ghi nhãn như tên thực phẩm, danh sách thành phần công bố về phụ gia thực phẩm, công bố thành phần định lượng, điều kiện đặc biệt đối với việc ghi nhãn thực phẩm đóng gói gây dị ứng hoặc không dung nạp, thông tin dinh dưỡng, tuyên bố tên và địa chỉ đầy đủ của nhà sản xuất hoặc FBO, Nước xuất xứ của thực phẩm nhập khẩu, ghi ngày tháng, v.v. |
| 71 | G/SPS/N/BGD/5 | ATTP | Băng-la-đét | 24/8/2023 | Dự thảo Quy định tăng cường thực phẩm, 2023. | Dự thảo quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng chủ yếu đề cập đến việc tăng cường vi chất vào thực phẩm bắt buộc và tự nguyện. Nguyên tắc chung tuân theo CODEX CAC/GL 9-1987. Ngoài ra, quy định này còn bao gồm các khía cạnh công nghệ, yêu cầu đóng gói và ghi nhãn, tuân thủ vi chất dinh dưỡng, đăng ký và hành động pháp lý đối với việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Tại Bảng I quy định mức vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm bắt buộc bổ sung và tại Bảng II quy định mức vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm tăng cường vi chất tự nguyện vào thực phẩm. |
| 72 | G/SPS/N/BGD/4 | ATTP | Băng-la-đét | 24/8/2023 | Dự thảo Quy định về An toàn Thực phẩm (Thực phẩm tốt cho sức khỏe/thực phẩm bổ sung ăn kiêng, thực phẩm dành cho chế độ ăn kiêng đặc biệt, thực phẩm dành cho mục đích y tế đặc biệt, thực phẩm prebiotic và probiotic), 2023 | Theo Đạo luật An toàn Thực phẩm 2013 (Đạo luật số 43 năm 2013), phần 13(2C), 31 và 87, dự thảo quy định về thực phẩm, được chế biến hoặc chế biến đặc biệt cho các mục đích dinh dưỡng hoặc ăn kiêng cụ thể thay vì tiêu dùng thông thường. Quy định này được phát triển dựa trên nhu cầu chung về các tiêu chuẩn cho các hạng mục rộng hơn dựa trên nhu cầu của Băng-la-đét và phù hợp với hướng dẫn Codex về "Hướng dẫn sử dụng các tuyên bố về Dinh dưỡng và Sức khỏe". Các quy định hiện hành trong nước, tiêu chuẩn quốc tế và các thông lệ tốt nhất đã được xem xét một cách tỉ mỉ. Trong quy định này, tên của các loại thực phẩm được phân loại là thực phẩm sức khỏe/thực phẩm hoặc thực phẩm bổ sung, thực phẩm dành cho chế độ ăn kiêng đặc biệt (fsdu), thực phẩm dành cho mục đích y tế đặc biệt (fsmp), thực phẩm prebiotic và probiotic. Có nhiều loại thành phần được phê duyệt khác nhau để áp dụng cho các loại thực phẩm khác nhau như được quy định trong Phụ lục I, II và III. Trong Bảng IV có nhiều loại prebiotic và thành phần men vi sinh khác nhau đã được phê duyệt. Phụ lục V đề cập đến các chất phụ gia và giới hạn tối đa cho phép của chúng. |
| 73 | G/SPS/N/USA/2766/Add.2 | CT | Hoa Kỳ | 23/8/2023 | Thu hồi việc sử dụng dầu hydro hóa một phần trong thực phẩm; Quy tắc cuối cùng trực tiếp | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) đang sửa đổi các quy định cho phép sử dụng dầu hydro hóa một phần (PHO) trong thực phẩm theo quyết định rằng PHO thường không còn được công nhận là an toàn (GRAS). Quy tắc này loại bỏ PHO khỏi danh sách thành phần tùy chọn trong tiêu chuẩn nhận dạng đối với bơ đậu phộng và cá ngừ đóng hộp. Nó sửa đổi các quy định của FDA khẳng định các chất thực phẩm là GRAS liên quan đến dầu cá mòi và dầu hạt cải để không còn bao gồm các dạng hydro hóa một phần của các loại dầu này và xóa bỏ quy định khẳng định dầu cá hydro hóa là GRAS là một chất thực phẩm gián tiếp. FDA cũng đang hủy bỏ các biện pháp trừng phạt trước đây (tức là , đã được phê duyệt trước năm 1958 đối với một số cách sử dụng nhất định) đối với việc sử dụng PHO trong bơ thực vật, mỡ và bánh mì, bánh cuộn và bánh bao dựa trên kết luận rằng việc sử dụng PHO này có thể gây hại cho sức khỏe. FDA đưa ra sửa đổi trực tiếp này này như một quy tắc cuối cùng vì chúng không gây tranh cãi do các rủi ro sức khỏe cộng đồng liên quan đến PHO và việc sử dụng các sản phẩm thay thế PHO ngày càng tăng và FDA dự đoán sẽ không có ý kiến góp ý bất lợi đáng kể nào vì PHO đã được tuyên bố không còn GRAS đối với bất kỳ mục đích sử dụng nào trong thực phẩm của con người vào năm 2015. Quy tắc này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2023. Góp ý bằng văn bản hoặc thư điện tử về quy tắc cuối cùng phải được gửi trước ngày 23 tháng 10 năm 2023. Nếu FDA không nhận được ý kiến bất lợi đáng kể nào trong khoảng thời gian nhận xét cụ thể, FDA dự định sẽ ban hành một tài liệu xác nhận ngày có hiệu lực của quy tắc cuối cùng trong đăng ký Liên bang trong vòng 30 ngày sau khi giai đoạn lấy ý kiến về quy tắc cuối cùng trực tiếp này kết thúc. Nếu có những ý kiến góp ý thích đáng, FDA sẽ công bố một tài liệu trong đăng ký Liên bang rút lại quy tắc cuối cùng trực tiếp này trong vòng 30 ngày sau khi thời gian nhận xét về quy tắc cuối cùng trực tiếp này kết thúc và sau đó chúng tôi sẽ tiến hành phản hồi các ý kiến theo quy tắc đề xuất đồng hành bằng cách sử dụng các thủ tục thông báo góp ý thông thường. |
| 74 | G/SPS/N/BRA/2205 | TY | Bra-xin | 23/8/2023 | Hướng dẫn Quy phạm 241, ngày 3 tháng 8 năm 2023. | Hướng dẫn quy chuẩn này thiết lập lượng tiêu thụ hàng ngày có thể chấp nhận được (ADI), liều tham chiếu cấp tính (ADR) và giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với các thành phần dược phẩm hoạt tính (API) của thuốc thú y trong thực phẩm có nguồn gốc động vật. |
| 75 | G/SPS/N/TUR/76/Add.5 | ATTP | Thổ Nhĩ Kỳ | 21/8/2023 | Quy định Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm | Dự thảo Quy định Codex Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về Sửa đổi Quy định Codex Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về thông số kỹ thuật cho phụ gia thực phẩm đã được thông báo thông qua G/SPS/N/TUR/76/Add.4 vào ngày 16 tháng 8 năm 2023. Vì văn bản dự thảo của thông báo này đã bị thiếu trong thông báo, phụ lục này đã được chuẩn bị để chia sẻ dự thảo Quy định về Bộ luật Thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ. |
| 76 | G/SPS/N/COL/348 | BVTV, TY | Colombia | 21/8/2023 | [Nghị quyết](http://sps.mard.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8436) 8389 [ngày 12](http://sps.mard.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8436) tháng 7 [năm 2023, " Theo đó các ứng dụng và](http://sps.mard.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8436) thủ tục [phân tích rủi ro về sâu bệnh hại được quy định đối với việc nhập khẩu](http://sps.mard.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8436) động vật[,](http://sps.mard.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8436) thực vật [và chúng vào Colombia sản phẩm và](http://sps.mard.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8436) những quy định khác["](http://sps.mard.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8436) | Nghị quyết 8389 ngày 12 tháng 7 năm 2023: ĐIỀU 1. MỤC ĐÍCH. Thành lập các các yêu cầu và thủ tục yêu cầu phân tích rủi ro về sâu bệnh hại khi nhập khẩu động vật , thực vật và chúng vào Colombia sản phẩm và những thứ khác bài viết được quy định . ĐIỀU 2. LĨNH VỰC ÁP DỤNG. Các quy định thành lập ở hiện tại nghị quyết họ sẽ được áp dụng cho mọi thể nhân hoặc pháp nhân thú vị trong nhập khẩu vào Colombia động vật, rau củ, sản phẩm của chúng và những quy định khác, yêu cầu phân tích rủi ro. |
| 77 | G/SPS/N/CAN/1527 | ATTP, BVTV | Canada | 21/8/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Tolfenpyrad (PMRL2023-40). | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-40 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với tolfenpyrad đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1   | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc hàng hóa đã qua chế biến |
| 40 | loại rau lá cải cải dầu (phân nhóm cây trồng 4-13B)2 |
| 30 | Dầu cam quýt3; rau diếp đắng, hoa xuyến chi, cây bông bạc, .v.v... |
| 10 | Hành lá (nhóm cây 3-07B) |
| 1,5 | Rau ăn quả (nhóm cây 8-09) |
| 1.0 | Họ táo (nhóm cây 11-09, trừ táo) |
| 0,8 | Quả có múi (nhóm cây 10) (sửa đổi)4 |
| 0,7 | Hạt bông (phân nhóm cây trồng 20C) (đã sửa đổi)5 |
| 0,09 | Hành củ (phân nhóm cây trồng 3-07A) |
| 0,01 | Rau có củ và thân củ (phân nhóm cây trồng 1C)6 |

1 ppm = phần triệu |
| 78 | G/SPS/N/BRA/2204 | TY | Bra-xin | 21/8/2023 | SẮC LỆNH SDA/MAPA số 871, ngày 10 tháng 8 năm 2023 - Phê duyệt các thủ tục quá cảnh và chứng nhận vệ sinh đối với các sản phẩm phụ không ăn được từ động vật để sử dụng trong công nghiệp hoặc kỹ thuật, quá cảnh dư lượng từ hoạt động khai thác vật nuôi và chứng nhận vệ sinh đối với các sản phẩm thu được từ động vật nguồn có mục đích sử dụng cụ thể | Phê duyệt các thủ tục quá cảnh và chứng nhận vệ sinh các sản phẩm phụ động vật không ăn được để sử dụng trong công nghiệp hoặc kỹ thuật, quá cảnh chất tồn dư từ hoạt động khai thác vật nuôi và chứng nhận vệ sinh các sản phẩm thu được từ nguồn động vật với mục đích sử dụng cụ thể. |
| 79 | G/SPS/N/BDI/68, G/SPS/N/KEN/225, G/SPS/N/RWA/61, G/SPS/N/TZA/290, G/SPS/N/UGA/274 | BVTV | Đông Phi | 21/8/2023 | DEAS 1162: 2023, Phân bón – Mono-Amoni Phosphate và Di-Amoni Phosphate (MAP & DAP) – Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phân bón Mono-Amoni Phosphate và Di-Amoni Phosphate (MAP & DAP). Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn đông Phi này cũng đã được Ủy ban TBT thông báo. |
| 80 | G/SPS/N/BDI/67, G/SPS/N/KEN/224, G/SPS/N/RWA/60, G/SPS/N/TZA/289, G/SPS/N/UGA/273 | BVTV | Đông Phi | 21/8/2023 | DEAS 1163:2023, Phân bón – Super Phosphate đơn — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên. | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm phân Super lân đơn ở dạng bột và dạng hạt. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được Ủy ban TBT thông báo. |
| 81 | G/SPS/N/BDI/66, G/SPS/N/KEN/223, G/SPS/N/RWA/59, G/SPS/N/TZA/288, G/SPS/N/UGA/272 | BVTV | Đông Phi | 21/8/2023 | DEAS 1167: 2023, Phân bón hữu cơ — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm phân bón hữu cơ. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được Ủy ban TBT thông báo. |
| 82 | G/SPS/N/BDI/65, G/SPS/N/KEN/222, G/SPS/N/RWA/58, G/SPS/N/TZA/287. G/SPS/N/UGA/271 | BVTV | Đông Phi | 21/8/2023 | DEAS 1164: 2023, Phân bón lá vô cơ— Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên. L | Dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phân bón lá vô cơ. Lưu ý: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được thông báo tới Ủy ban TBT. |
| 83 | G/SPS/N/BDI/64, G/SPS/N/KEN/221 G/SPS/N/RWA/57,G/SPS/N/TZA/286 G/SPS/N/UGA/270 | BVTV | Đông Phi | 21/8/2023 | DEAS 1165: 2023, Vật liệu bón vôi nông nghiệp — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với vật liệu bón vôi nông nghiệp. Tiêu chuẩn này áp dụng cho vật liệu bón vôi nông nghiệp, bao gồm đá vôi ( canxi và dolomit), vôi sống (li me đốt ), vôi ngậm nước, xỉ và vỏ sò. Lưu ý: Dự thảo tiêu chuẩn Đông Phi này cũng đã được thông báo tới Ủy ban TBT. |

**2. Danh sách quy định đã được thông qua hoặc có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia/ Khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/UKR/205 /Add.1 | BVTV | Ucraina | 19/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nội các Bộ trưởng Chính phủ Ucraina "Về việc phê duyệt Thủ tục nhập khẩu vào lãnh thổ Ucraina các hạt giống và vật liệu trồng trọt của một giống không có trong sổ đăng ký giống cây trồng của Ucraina, nhưng có trong danh sách giống của OECD của các cây nông nghiệp, theo các chương trình chứng nhận giống mà Ucraina đã tham gia, nhằm mục đích nhân giống và xuất khẩu hơn nữa ra bên ngoài Ucraina, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nội các Bộ trưởng Ucraina ngày 26 tháng 10 năm 2016 số 762" | Ucraina thông báo việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nội các Bộ trưởng Ucraina số 964 ngày 8 tháng 9 năm 2023 "Về việc phê duyệt Thủ tục nhập khẩu vào lãnh thổ Ucraina các hạt giống và vật liệu trồng trọt của các giống không có trong Sổ đăng ký giống cây trồng của Ucraina , nhưng được đưa vào danh sách các giống của OECD trong số các cây nông nghiệp vào các chương trình chứng nhận giống mà Ucraina đã tham gia, nhằm mục đích nhân giống và xuất khẩu tiếp ra bên ngoài Ucraina, và bãi bỏ Nghị quyết của Hội đồng nội các Bộ trưởng Ucraina ngày 26 tháng 10 năm 2016 số 762". Nghị quyết được công bố và có hiệu lực vào ngày 13 tháng 9 năm 2023. |
| 2 | G/SPS/N/CAN/1516 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 18/9/2023 | Đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: [Ethalfluralin](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8536) | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất đối với ethalfluralin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1516 (ngày 3 tháng 7 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 10 tháng 9 năm 2023. MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1   | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến |
| 0,05 | Củ cúc vu |

1 ppm = phần triệu |
| 3 | G/SPS/N/CAN/1515 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 18/9/2023 | Đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: [Flumioxazin](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8537) | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất đối với flumioxazin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1515 (ngày 30 tháng 6 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 10 tháng 9 năm 2023. MRL đề xuất đã được thiết lập thông qua việc nhập vào cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1   | Hàng hóa nông sản thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa đã qua chế biến |
| 0,02 | Các loại họ đâu Hà Lan, đậu tuyết, đậu triều có vỏ, đã bóc vỏ ăn được.v.v…, |

1 ppm = phần triệu |
| 4 | G/SPS/N/CAN/1514 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 18/9/2023 | Đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: fenhexamid | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (PMRL) đối với fenhexamid được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1514 (ngày 30 tháng 6 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 10 tháng 9 năm 2023. MRL đề xuất đã được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp Trực tiếp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 30 | Hành lá (nhóm cây trồng 3-07B) |
| 2,0 | Hành củ (phân nhóm cây trồng 3-07A) |

1 ppm = phần triệu |
| 5 | G/SPS/N/CAN/1512 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 18/9/2023 | Đề xuất thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Cyflumetofen | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất đối với cyflumetofen được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1512 (ngày 21 tháng 6 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 13 tháng 9 năm 2023. MRL đề xuất đã được thiết lập thông qua việc nhập vào cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 30 | Hoa bia (khô) |
| 1,5 | Anh đào (nhóm cây trồng 12-09A) |
| 0,4 | Quả đào (phân nhóm cây trồng 12-09B) |
| 0.3 | Mận (nhóm cây trồng 12-09C) |

1 ppm = phần triệu |
| 6 | G/SPS/N/EU/632 /Add.1 | ATTP | Liên minh Châu Âu | 15/9/2023 | Chất nhũ hóa E471 ( Mono Diglycerid) của axit béo (E 471) | Dự thảo được thông báo trong G/SPS/N/EU/632 (ngày 24 tháng 4 năm 2023) hiện đã được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2023/1428 ngày 7 tháng 7 năm 2023 sửa đổi Phụ lục của Quy định (EU) số 231/2012 liên quan đến Chất nhũ hóa E471 ( Mono Diglycerid) của axit béo (E 471) (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 175, 10.7.2023, p. 6]. |
| 7 | G/SPS/N/EU/614 /Add.1 | CT | Liên minh Châu Âu | 15/9/2023 | Việc đưa một số loại phết và chế phẩm để làm đồ uống có chứa ca cao, một số thực phẩm chế biến sẵn từ ngũ cốc hoặc các sản phẩm ngũ cốc, một số thực phẩm chế biến sẵn từ gạo và các loại ngũ cốc khác, một số khoai tây chiên và khoai tây chiên giòn, một số nước sốt và gia vị trong danh sách các sản phẩm tổng hợp được miễn trừ kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/614 (16 tháng 2 năm 2023) hiện đã được thông qua bởi Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2023/1674 ngày 19 tháng 6 năm 2023 sửa đổi Quy định được ủy quyền (EU) 2021/630 liên quan đến việc đưa vào một số chất phết và chế phẩm làm đồ uống có chứa ca cao, một số thực phẩm chế biến sẵn từ ngũ cốc hoặc các sản phẩm ngũ cốc, một số thực phẩm chế biến sẵn từ gạo và các loại ngũ cốc khác, một số khoai tây chiên và khoai tây chiên giòn, một số nước sốt và gia vị trong danh sách các sản phẩm tổng hợp được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới và sửa đổi Phụ lục I và III của Quy định được ủy quyền (EU) 2019/2122 (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 216, 1.9.2023, p. 1]. Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 21 tháng 9 năm 2023. |
| 8 | G/SPS/N/EU/611 /Add.1 | ATTP, BVTV, CT, CLCB, TY | Liên minh Châu Âu | 15/9/2023 | [Vật liệu và vật phẩm bằng nhựa tiếp xúc với thực phẩm](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8522) | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/611 (ngày 23 tháng 1 năm 2023) hiện được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2023/1442 ngày 11 tháng 7 năm 2023 sửa đổi Phụ lục I của Quy định (EU) Số 10/2011 về vật liệu nhựa và vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm, liên quan đến những thay đổi đối với việc cấp phép chất và bổ sung các chất mới (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 177, ngày 12 tháng 7 năm 2023, tr. 45]. Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 8 năm 2023. |
| 9 | G/SPS/N/EU/634/ Add.1 | BVTV | Liên minh Châu Âu | 13/9/2023 | Danh sách các loài thực vật mẫn cảm với *Xylella* [*fastidiosa*](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8515) | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/634 (ngày 4 tháng 5 năm 2023) hiện đã được thông qua bởi Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1706 ngày 7 tháng 9 năm 2023 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2020/1201 liên quan đến danh sách các thực vật dễ bị tổn thương với *Xylella fastidiosa* [OJ L 221, ngày 8 tháng 9 năm 2023, tr. 14]. Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 28 tháng 9 năm 2023. |
| 10 | G/SPS/N/EU/630 /Add.1 | CN, TY | Liên minh Châu Âu | 13/9/2023 | Tình trạng [attapulgite](http://www.spsvietnam.gov.vn/notice/detailvn.aspx?pageid=70&mid=783&item=8516) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/630 (14 tháng 4 năm 2023) hiện đã được thông qua bởi Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/1699 ngày 6 tháng 9 năm 2023 về tình trạng attapulgite làm phụ gia thức ăn chăn nuôi trong phạm vi của Quy định ( EC) Số 1831/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (Văn bản liên quan đến EEA) [OJ L 220, ngày 7 tháng 9 năm 2023, tr. 9]. Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 26 tháng 9 năm 2023. |
| 11 | G/SPS/N/BRA/2171 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 12/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1168, ngày 25 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1168, ngày 25 tháng 5 năm 2023 - được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2171 - đã được thông qua làm Hướng dẫn quy phạm 246, ngày 1 tháng 9 năm 2023. Quy định cập nhật hoạt chất T82 - (Z) - 9,13 - tetradecadienal vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Chính thức của União ). |
| 12 | G/SPS/N/BRA/2169 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 12/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1167, ngày 18 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1167, ngày 18 tháng 5 năm 2023 - được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2169 - đã được thông qua dưới dạng Hướng dẫn quy phạm 251, ngày 1 tháng 9 năm 2023. Quy định cập nhật hoạt chất T81 - tolpiralate vào danh sách chuyên khảo về hoạt chất thành phần cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Chính thức của União ). |
| 13 | G/SPS/N/BRA/2168 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 12/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1166, ngày 18 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1166, ngày 18 tháng 5 năm 2023 - được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2168 - đã được thông qua dưới dạng Hướng dẫn quy phạm 250, ngày 1 tháng 9 năm 2023. Quy định cập nhật hoạt chất I33 - ipflufenoquim vào danh sách chuyên khảo về hoạt chất thành phần cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Chính thức của União ). |
| 14 | G/SPS/N/BRA/2167/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 11/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1165, ngày 18 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1165, ngày 18 tháng 5 năm 2023 - được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2167 - đã được thông qua làm Hướng dẫn quy phạm 249, ngày 1 tháng 9 năm 2023. Quy định cập nhật hoạt chất 75 - flucarbazone sodium vào danh sách chuyên khảo của thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6594320/IN\_249\_2023\_.pdf/af735bea-c084-4cc8-86c7-d48718d6b1e8 <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/BRA/23_12226_00_x.pdf> Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc áp dụng, xuất bản hoặc có hiệu lực của quy định. |
| 15 | G/SPS/N/BRA/2166/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 11/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1164, ngày 18 tháng 5 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1164, ngày 18 tháng 5 năm 2023 - được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2166 - đã được thông qua làm Hướng dẫn quy phạm 248, ngày 1 tháng 9 năm 2023. Quy định cập nhật hoạt chất F76 - fluindapir vào danh sách chuyên khảo về hoạt chất thành phần cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6594320/IN\_248\_2023\_.pdf/86e646c5-1403-497dbdaa-3aaf3c6ed28f <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/BRA/23_12225_00_x.pdf> Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc áp dụng, xuất bản hoặc có hiệu lực của quy định. |
| 16 | G/SPS/N/BRA/2155/Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 11/9/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1154, ngày 6 tháng 4 năm 2023 | Dự thảo Nghị quyết 1154, ngày 6 tháng 4 năm 2023 - được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2155 - đã được thông qua dưới dạng Hướng dẫn quy phạm 245, ngày 1 tháng 9 năm 2023. Quy định cập nhật hoạt chất I32 - isocyclosera vào danh sách chuyên khảo về hoạt chất thành phần cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União). Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6576396/IN\_245\_2023\_.pdf/5541d2ac-9407-4984-b47c-0a02bc6b79d2 <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/BRA/23_12224_00_x.pdf> Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc áp dụng, xuất bản hoặc có hiệu lực của quy định. |
| 17 | G/SPS/N/SGP/82/Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CLCB, CT | Singapore | 06/9/2023 | Dự thảo Quy định về thực phẩm (Sửa đổi số Y) 2023 | Dự thảo quy định về Thực phẩm (Bản sửa đổi số Y) 2023 (liên quan đến các tiêu chuẩn vi sinh đối với thực phẩm không ăn liền) được thông báo trong G/SPS/N/SGP/82 đã được công bố là Quy định về thực phẩm (Bản sửa đổi số 3) năm 2023 vào ngày 4 tháng 9 2023 và sẽ có hiệu lực kể từ ngày 4 tháng 3 năm 2024. Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc áp dụng, xuất bản hoặc có hiệu lực của quy định |
| 18 | G/SPS/N/BRA/2148/Add.1 | BVTV | Bra-xin | 05/9/2023 | Pháp lệnh SDA/MAPA số 846 - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống *Lisianto (Eustoma spp.)* có nguồn gốc bất kỳ | Pháp lệnh này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2023. https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/portaria-sda/mapa-n-846-de-6-de-julho-de-2023-495176793 https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/BRA/23\_12179\_00\_x.pdf Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc áp dụng, xuất bản hoặc có hiệu lực của quy định. |
| 19 | G/SPS/N/TPKM/543/Rev.1/Add.2 | TY | Đài Loan | 04/9/2023 | Việc sửa đổi "Thủ tục công nhận tình trạng không có bệnh truyền nhiễm ở động vật ở một số quốc gia (Khu vực)" | Đài Loan, thông báo sửa đổi lần thứ nhất đối với "Thủ tục công nhận tình trạng an toàn bệnh động vật truyền nhiễm của một quốc gia" vào ngày 23 tháng 11 năm 2021 , thô báo số (G/SPS/N/TPKM/543/ Rev.1/Add.1). Kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2023, Hội đồng Nông nghiệp (COA) và Cục Kiểm dịch và Kiểm dịch Thú y và Thực vật (BAPHIQ), COA đã được tổ chức lại và đổi tên thành Bộ Nông nghiệp (MOA) và Cơ quan Kiểm tra và kiểm dịch thú y và Thực vật ( APHIA), MOA. Ngoài ra, tên viết tắt của Tổ chức Thú y Thế giới (OIE) đã được đổi thành WOAH. Do đó, với những thay đổi (được đánh dấu màu đỏ), việc sửa đổi “Quy trình công nhận tình trạng an toàn dịch bệnh động vật truyền nhiễm của nước ngoài (Vùng)” đã được cập nhật và ban hành vào ngày 25 tháng 8 năm 2023. https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TPKM/23\_12131\_00\_e.pdf <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TPKM/23_12131_01_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc áp dụng, xuất bản hoặc có hiệu lực của quy định. |
| 20 | G/SPS/N/BRA/2132/Add.2 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 29/8/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1143 ngày 09 tháng 02 năm 2023 | Hướng dẫn quy phạm 277, ngày 1 tháng 6 năm 2023, được thông báo trước đó thông qua G/SPS/N/BRA/2132/Add.1, bắt nguồn từ Dự thảo Nghị quyết 1143, ngày 9 tháng 2 năm 2023, đã được sửa đổi. |
| 21 | G/SPS/N/TUR/100/Add.1 | ATTP | Thổ Nhĩ Kỳ | 23/8/2023 | Thông cáo Codex Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ -Sửa đổi Thông cáo Codex thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về việc thay thế hoàn toàn chế độ ăn uống để kiểm soát cân nặng | "Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Thông cáo về việc thay thế hoàn toàn chế độ ăn uống để kiểm soát cân nặng" đã được thông báo thông qua G/SPS/N/TUR/100 vào ngày 19 tháng 7 năm 2018. Một sửa đổi đã được đề xuất thông qua "Thông cáo Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Sửa đổi Thông cáo Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về thay thế chế độ ăn uống tổng thể để kiểm soát cân nặng". Việc sửa đổi liên quan đến các yêu cầu về lipid và magie đối với chế độ ăn thay thế toàn phần để kiểm soát cân nặng. Thông cáo này sẽ có hiệu lực vào ngày 15 tháng 10 năm 2023. |
| 22 | G/SPS/N/TUR/99/Add.3 | ATTP, CT | Thổ Nhĩ Kỳ | 23/8/2023 | Thông cáo Codex Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Sửa đổi Thông cáo Codex Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và công thức tiếp theo cũng như các yêu cầu về thông tin liên quan đến việc nuôi dưỡng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ | "Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Thông cáo về sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh, công thức tiếp theo và các yêu cầu về thông tin liên quan đến việc nuôi dưỡng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ" đã được thông báo thông qua G/SPS/N/TUR/99 vào ngày 19 tháng 7 năm 2018. Hai sửa đổi cho quy định nói trên là được thông báo qua G/SPS/N/TUR/99/Add.1 vào ngày 23 tháng 7 năm 2019 và G/SPS/N/TUR/99/Add.2 vào ngày 11 tháng 8 năm 2022. Và hiện tại, một sửa đổi đã được đề xuất thông qua "Thổ Nhĩ Kỳ Thông cáo Codex Thực phẩm - Sửa đổi Thông cáo Codex Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và sữa công thức tiếp theo". Việc sửa đổi liên quan đến các yêu cầu về protein đối với sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ được sản xuất từ protein thủy phân. Thông cáo này sẽ có hiệu lực vào ngày 15 tháng 10 năm 2023. |
| 23 | G/SPS/N/TUR/93/Add.2 | ATTP, CT | Thổ Nhĩ Kỳ | 23/8/2023 | Quy định Codex Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ Sửa đổi Codex Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Quy định về thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ và chế độ ăn thay thế toàn bộ để kiểm soát cân nặng | "Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Quy định về thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ và chế độ ăn thay thế hoàn toàn để kiểm soát cân nặng" đã được thông báo qua G/SPS/N/TUR/93 vào ngày 11 tháng 10 năm 2017. Việc sửa đổi quy định nói trên đã được thông báo qua G /SPS/N/TUR/93/Add.1 vào ngày 11 tháng 8 năm 2022. Và hiện nay, một sửa đổi đã được đề xuất thông qua "Quy định Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ Sửa đổi Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ - Quy định về thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ và chế độ ăn thay thế hoàn toàn để kiểm soát cân nặng". Việc sửa đổi liên quan đến danh sách các chất có thể được thêm vào chế độ ăn thay thế hoàn toàn để kiểm soát cân nặng. Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày 15 tháng 10 năm 2023. |
| 24 | G/SPS/N/THA/519/Add.1 | ATTP, CT | nước Thái Lan | 23/8/2023 | Thông báo của Bộ Y tế Công cộng có tựa đề "Enzyme sử dụng trong chế biến thực phẩm" | Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng có tựa đề "Enzym sử dụng trong chế biến thực phẩm", được thông báo trước đó trong G/SPS/N/THA/519 ngày 7 tháng 4 năm 2022, đã được đăng trên Công báo Hoàng gia ngày 15 tháng 8 năm 2023 dưới dạng Thông báo của Bộ Y tế Công cộng. Y tế Công cộng số 443. Ngày có hiệu lực: Thông báo này sẽ có hiệu lực sau ngày tiếp theo ngày đăng trên Công báo Hoàng gia (16 tháng 8 năm 2023). |
| 25 | G/SPS/N/CHL/753/Add.1 | TY | Chilê | 23/8/2023 | Nghị quyết miễn trừ số 4.781/2023 sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 7.773 năm 2021 xác định các sản phẩm động vật chỉ phải nộp giấy chứng nhận vệ sinh cho Sở Nông nghiệp và Chăn nuôi | Chile khuyến nghị rằng Nghị quyết miễn trừ số 4.781/2023 sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 7.773 năm 2021 xác định các sản phẩm động vật mà chỉ phải nộp giấy chứng nhận vệ sinh cho Sở Nông nghiệp và Chăn nuôi, có hiệu lực vào ngày 5 tháng 8 năm 2023. |
| 26 | G/SPS/N/USA/3318/Add.1 | TY | Hoa Kỳ | 21/8/2023 | Kết luận về xác gia cầm bị ảnh hưởng bởi bất kỳ dạng phức hợp bệnh bạch cầu gia cầm: Hủy bỏ (Quy tắc cuối cùng) | Vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, Cơ quan Kiểm tra và An toàn Thực phẩm của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (FSIS) đã đề xuất sửa đổi các quy định kiểm tra sản phẩm gia cầm của Hoa Kỳ để hủy bỏ một số quy định liên quan đến việc kiểm tra và loại bỏ xác gia cầm bị ảnh hưởng bởi Virus bệnh bạch cầu sarcoma ở gia cầm ( 87 FR 14182). FSIS đã đề xuất những thay đổi này nhằm đáp lại một bản kiến nghị yêu cầu cơ quan sửa đổi các quy định để chỉ bệnh bạch cầu sarcoma ở gia cầm là một tình trạng có thể loại bỏ một phần chứ không phải là đòi hỏi phải loại bỏ toàn bộ thân thịt. Bản kiến nghị cũng yêu cầu FSIS hủy bỏ các quy định tại 9 CFR 381.36(f)(3) yêu cầu các cơ sở giết mổ gà non ở Hoa Kỳ hoạt động theo Hệ thống Kiểm tra Gia cầm Mới (NPIS) phải cung cấp một địa điểm tại một điểm dọc theo dây chuyền sản xuất để cho phép thanh tra viên của FSIS kiểm tra bệnh bạch cầu ở 300 thân thịt của mỗi đàn, cùng với nội tạng tương ứng của chúng. Ngoài ra, bản kiến nghị yêu cầu FSIS hủy bỏ các quy định tại điều 9 CFR 381.76(b)(6)(iv) quy định quy trình kiểm tra bệnh bạch cầu ở 300 con chim theo NPIS. Đơn kiến nghị khẳng định rằng các quy định hiện hành của Hoa Kỳ liên quan đến bệnh bạch cầu dựa trên sự hiểu biết lỗi thời về căn bệnh gia cầm này gây ra những chi phí không cần thiết cho ngành chăn nuôi Hoa Kỳ và tạo ra rào cản tiềm ẩn đối với các cơ sở chăn nuôi gà non ở Hoa Kỳ có thể muốn chuyển đổi sang NPIS. Như FSIS đã giải thích trong quy tắc đề xuất, Cơ quan đã đánh giá thông tin khoa học hiện có về bệnh bạch cầu ở gia cầm và kết luận rằng có hỗ trợ khoa học cho việc điều trị bệnh bạch cầu ở gia cầm như một bệnh có thể cắt giảm theo điều 9 CFR 381.87 tại tất cả các cơ sở gia cầm của Hoa Kỳ hoạt động dưới sự thanh tra bắt buộc và tự nguyện của FSIS. Do đó, sau khi xem xét cẩn thận các ý kiến nhận xét về quy tắc được đề xuất, FSIS đang hoàn thiện đề xuất mà không có thay đổi nào. Theo đó, FSIS đang hủy bỏ quy định (9 CFR 381.82) yêu cầu loại bỏ tất cả thân thịt gia cầm bị ảnh hưởng bởi bất kỳ dạng bệnh bạch cầu gia cầm nào . FSIS cũng đang hủy bỏ quy định (9 CFR 381.36(f)(3)) yêu cầu các cơ sở giết mổ gà non hoạt động theo NPIS ở Hoa Kỳ phải cung cấp một địa điểm dọc theo dây chuyền sản xuất để thanh tra viên của FSIS kiểm tra 300 thân thịt đầu tiên của mỗi đàn cùng với nội tạng liên quan để phát hiện bệnh bạch cầu, cũng như quy định các quy trình kiểm tra bệnh bạch cầu gia cầm tại các cơ sở giết mổ gà non hoạt động theo NPIS ở Hoa Kỳ (điều 9 CFR 381.76(b)(6)(iv)). Theo quy tắc cuối cùng này, thân thịt bị nhiễm bệnh bạch cầu gia cầm sẽ phải tuân theo điều 9 CFR 381.87 sửa đổi, trong đó quy định rằng mọi bộ phận hoặc phần thân thịt khác bị ảnh hưởng bởi khối u đều có thể được cắt bỏ và các phần không bị ảnh hưởng của thân thịt có thể được kiểm tra và thông qua. Điều 9 CFR 381.87 sửa đổi cũng yêu cầu loại bỏ bất kỳ cơ quan hoặc bộ phận nào khác của thân thịt bị ảnh hưởng bởi khối u khi có bằng chứng về sự di căn hoặc tình trạng chung của gia cầm đã bị ảnh hưởng bởi kích thước, vị trí hoặc tính chất của khối u.  |

Chi tiết đăng tải các thông báo tại website: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn)